TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 4 - 2026
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Lê Bửu Thiện.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Lê Thị Tuyết Minh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị Phương T** – sinh năm: 1984.
Nơi thường trú: Ấp P, xã P, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ hiện tại: Số B Đ, ấp F, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn H** – sinh năm: 1982.
Nơi thường trú: Ấp P, xã P, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là: xã P, tỉnh Đồng Nai) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 03; Quyển: 01/2010 ngày 07 tháng 01 năm 2010. Sau khi kết hôn, bà và ông H có 03 con chung là Nguyễn Hoàng Như Q, sinh ngày: 27/02/2011; Nguyễn Hoàng Quỳnh A, sinh ngày: 17/05/2017 và Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày: 08/05/2023. Từ khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình, ông H

không có công ăn việc làm, thường xuyên ăn nhậu không lo cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần tạo cho nhau cơ hội để mỗi người cùng thay đổi và hòa hợp nhưng không thành. Ông, bà đã sống ly thân từ đầu năm 2025. Đến nay, mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra ngày càng sâu sắc, trầm trọng. Tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà và ông H có 03 con chung:

+ Nguyễn Hoàng Như Q – sinh ngày: 27/02/2011;

+ Nguyễn Hoàng Quỳnh A – sinh ngày: 17/5/2017;

+ Nguyễn Hoàng Gia K – sinh ngày: 08/5/2023.

Sau khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung. Tạm thời, bà không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị Phương T chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là: xã P, tỉnh Đồng Nai) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 03; Quyển: 01/2010 ngày 07 tháng 01 năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống hạnh phúc sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần tạo cho nhau cơ hội để mỗi người cùng thay đổi và hòa hợp nhưng không thành. Từ tháng 04/2025, ông và bà T đã sống ly thân, ông chuyển về nhà ở ấp P, xã P, tỉnh Đồng Nai sinh sống cho đến nay. Nay, bà T yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung là:

+ Nguyễn Hoàng Như Q – sinh ngày: 27/02/2011;

+ Nguyễn Hoàng Quỳnh A – sinh ngày: 17/5/2017;

+ Nguyễn Hoàng Gia K – sinh ngày: 08/5/2023.

Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung. Tạm thời, bà T không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con thì ông đồng ý. Trường hợp sau này có tranh chấp về nuôi con thì ông sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

Về tài sản chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do các đương sự vắng mặt và đều có đơn xin

xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng bà T và ông H đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà Bùi Thị Phương T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Hoàng Như Q – sinh ngày: 27/02/2011; cháu Nguyễn Hoàng Quỳnh A – sinh ngày: 17/5/2017; cháu Nguyễn Hoàng Gia K – sinh ngày: 08/5/2023 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà T và ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị buộc bà Bùi Thị Phương T phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Bùi Thị Phương T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H. Ông H cư trú tại xã P, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Bùi Thị Phương T và ông Nguyễn Văn H là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Bà T và ông H kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 07 tháng 01 năm 2010. Nay, bà T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông H nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 01 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã P,

huyện T, tỉnh Đồng Nai. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống vợ chồng ông bà hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Bà T yêu cầu ly hôn với lý do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình.

Ông H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn với bà T. Từ tháng 04/2025, ông H và bà T đã sống ly thân. Qua ý kiến thừa nhận của các đương sự thể hiện thể hiện trong cuộc sống chung của vợ chồng ông, bà không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau.

Xét thấy hôn nhân của bà T và ông H trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Phương T, cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

[3.2]. Về con chung: Bà T và ông H có 03 con chung là:

+ Nguyễn Hoàng Như Q – sinh ngày: 27/02/2011;

+ Nguyễn Hoàng Quỳnh A – sinh ngày: 17/5/2017;

+ Nguyễn Hoàng Gia K – sinh ngày: 08/5/2023.

Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung. Tạm thời, bà không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, bản thân bà T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Từ khi bà T và ông H sống ly thân đến nay, các con chung sống cùng bà T và được bà chăm sóc, giáo dục tốt. Qua đơn trình bày nguyện vọng của con thể hiện cháu Q và cháu A đều có nguyện vọng sống cùng mẹ. Đồng thời, ông H cũng đồng ý giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của các con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu Nguyễn Hoàng Như Q, cháu Nguyễn Hoàng Quỳnh A và cháu Nguyễn Hoàng Gia K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3]. Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4]. Về nợ chung: Bà T và ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Bùi Thị Phương T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;
- Các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84,131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Phương T. Cho bà Bùi Thị Phương T được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Bà T và ông H có 03 con chung:

+ Nguyễn Hoàng Như Q – sinh ngày: 27/02/2011;
+ Nguyễn Hoàng Quỳnh A – sinh ngày: 17/5/2017;
+ Nguyễn Hoàng Gia K – sinh ngày: 08/5/2023.

Giao các cháu Nguyễn Hoàng Như Q, cháu Nguyễn Hoàng Quỳnh A và cháu Nguyễn Hoàng Gia K cho bà Bùi Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T và ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Bùi Thị Phương T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0071702 ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố H chuyển thành án phí.

6. Quyền kháng cáo: Bà T và ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 8 – Đồng Nai;
- Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Phú Lâm: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 03, quyển số 01/2010, cấp ngày 07/01/2010).
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Lê Bửu Thiện